

Vietnam Daily Review

Lại là ngày thứ hai đẫm máu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/1/2022		•	
Tuần 17/1-21/1/2022		•	
Tháng 1/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong tác phẩm kinh điển “Tiếng chim hót trong bụi mận gai” của nữ nhà văn Colleen McCullough đã có câu rằng: “Chẳng bao giờ có ai trải qua được nỗi đau của người khác, số phận dành cho mỗi người nỗi đau riêng”. Tuy nhiên với VN-Index hôm nay thì có lẽ cổ đông ngành Bất động sản và Chứng khoán sẽ có chung một nỗi đau khi rất nhiều mã của 2 ngành này giảm điểm mạnh và nhiều mã đã nằm sàn trong phiên hôm nay. Về VN-Index, chỉ số chỉ duy trì sắc xanh ngắn ngủi đầu phiên và sau đó đổ đèo vào phiên chiều, chính thức thủng ngưỡng hỗ trợ MA50, tương đương vùng 1475 điểm. Hi vọng của thị trường hôm nay tưởng chừng là ngành Ngân hàng nhưng không, Mảnh hổ thì nan địch quần hồ khi nhóm này đã nhanh chóng bị bán theo áp lực chung của thị trường khiến thị trường không còn trụ đỡ và VN-Index đóng cửa ở ngưỡng thấp nhất ngày. Với diễn biến này, VN-Index đang kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1440-1450 điểm. Nếu thành công, có thể hồi phục trở về vùng 1470-1480 điểm. Nếu không, VN-Index sẽ điều chỉnh xuống ngưỡng 1420 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/01/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: HVN_Tích lũy (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-43.18** điểm, đóng cửa **1,452.84** điểm. HNX-Index **-21.52** điểm, đóng cửa **445.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.61)**, **HAG (+0.18)**, **HVN (+0.12)**, **KHG (+0.12)**, **PVD (+0.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-3.42)**, **GVR (-2.40)**, **VPB (-2.00)**, **VIC (-1.87)**, **HPG (-1.76)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,199** tỷ đồng, tăng **39.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 31,245 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 51.2 điểm. Thị trường có **49** mã tăng, 18 mã tham chiếu và **446** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **201.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (59.01 tỷ)**, **VNM (50.74 tỷ)**, **BID (48.37 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-41.53** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1452.84**
Giá trị: 29198.61 tỷ **-43.18 (-2.89%)**
Khối ngoại (ròng): 201.16 tỷ

HNX-INDEX **445.34**
Giá trị: 3826.61 tỷ **-21.52 (-4.61%)**
Khối ngoại (ròng): -41.53 tỷ

UPCOM-INDEX **109.36**
Giá trị: 1867.3 tỷ **-2.86 (-2.55%)**
Khối ngoại(ròng): 20.03 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	84.1	0.37%
Giá vàng	1,823	0.27%
Tỷ giá USD/VND	22,715	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,963	0.14%
Tỷ giá JPY/VND	19,868	-0.49%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	6.72%
LS TPCP 5 năm	1.0%	-7.14%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	59.0	VND	-62.6
VNM	50.7	PDR	-33.4
BID	48.4	GEX	-28.8
DXG	43.0	POW	-27.5
CTG	39.8	KDH	-24.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

HVN_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ, xu hướng đi ngang
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HVN đang nằm hình thành xu hướng tích lũy sau khi điều chỉnh về ngưỡng đáy 22.0. Thanh khoản cổ phiếu duy trì tại ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn dòng tiền. Chỉ báo MACD hướng đến nhịp tích lũy trong khi chỉ báo RSI cho thấy xu hướng hồi phục nhẹ. Đường giá cổ phiếu cũng đang kiểm tra lại ngưỡng MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang dần hình thành. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 22.9, chốt lãi tại ngưỡng 25.2 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống ngưỡng 22.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

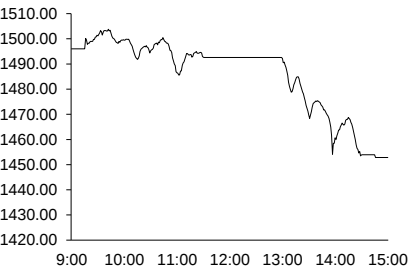
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.51%
Du lịch và Giải trí	-0.60%
Ngân hàng	-1.26%
Dầu khí	-1.56%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.88%
Thực phẩm và đồ uống	-2.08%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.17%
Y tế	-2.91%
Bảo hiểm	-3.09%
Công nghệ Thông tin	-3.21%
Bán lẻ	-3.25%
Tài nguyên Cơ bản	-3.54%
Bất động sản	-4.16%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4.35%
Ô tô và phụ tùng	-4.94%
Xây dựng và Vật liệu	-5.15%
Hóa chất	-6.21%
Dịch vụ tài chính	-6.63%
Viễn thông	-9.97%

Hình 1

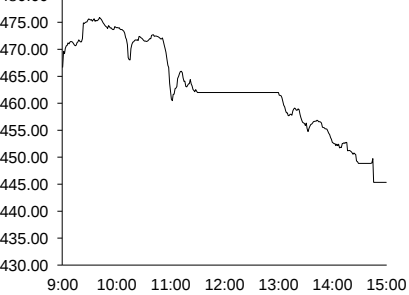
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

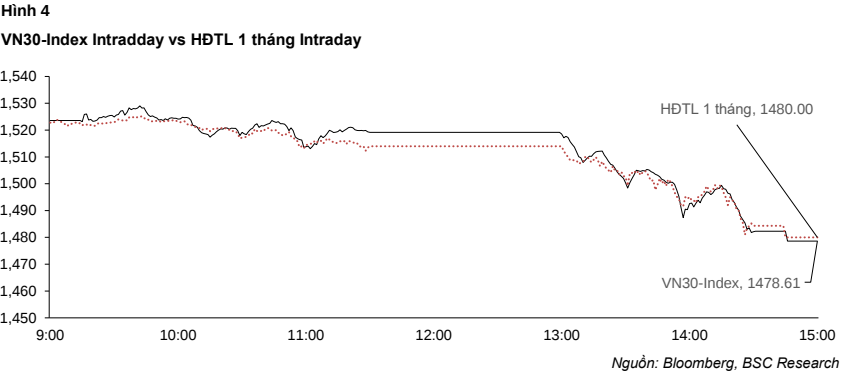
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
14/1/22	NBC	17.4	19.7	16.5	17	3	-2.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/12/21	PNJ	96	110.2	90.6	93.5	17	-2.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/12/21	CTS	43	55.5	40	41.4	19	-3.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/12/21	LHG	50	59	48	49.5	20	-1.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/12/21	BSR	22.9	26	22	23.1	25	0.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/12/2021	PVC	14.8	18	14	15.6	40	5.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
13/1/22	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
12/1/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
11/1/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
7/1/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
6/1/2022	D2D	65.3	70	60	SL	11	-8.12%
5/1/2022	GVR	38.4	43	37.5	SL	8	-2.34%
4/1/2022	HT1	23.9	28.3	22.9	SL	9	-4.18%
30/12/21	HCM	45.95	56	43.45	SL	11	-5.44%
27/12/21	TNA	15	17	16	TP	3	13.33%
22/12/21	TDT	14.6	17.3	13.7	SL	22	-6.16%
21/12/21	REE	69	76.5	67.5	SL	22	-2.17%
20/12/21	TVB	26.75	32	25	SL	21	-6.54%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	3	3.14%	-2.44%	-0.21%	24
Cổ phiếu đã chốt	227	168	14.58%	-7.48%	5.20%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2201	1480.00	-2.64%	1.39	25.6%	178,465	1/20/2022	5
VN30F2202	1482.00	-2.63%	3.39	107.9%	2,478	2/17/2022	33
VN30F2203	1486.00	-2.43%	7.39	-34.2%	77	3/17/2022	61
VN30F2206	1484.00	-2.62%	5.39	241.5%	140	6/16/2022	152

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm sâu 44.96 điểm xuống 1478.61 điểm. Các cổ phiếu như VPB, STB, HPG, VHM, TCB, HDB tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 điều chỉnh mạnh xuống vùng hỗ trợ 1470-1480 điểm. Phiên giao dịch ngày mai sẽ test lại xu hướng này. Nếu thành công VN30 sẽ quay lại vùng 1500-1530 điểm. Nếu không, VN30 sẽ điều chỉnh xuống ngưỡng 1440 điểm.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, chỉ HĐTL VN30F2203 giảm, các HĐ còn lại tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm, chỉ có HĐ VN30F2202 tăng. Điểm số các HĐ giảm và lượng hợp đồng mở giảm cho thấy dòng tiền đang có xu hướng thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2113	5/24/2022	127	6:1	2,600	31.45%	2,600	1,200	6.19%	731	1.64	152,000	113,000	130,000
CMBB2107	4/8/2022	81	2:1	760,300	32.30%	1,880	1,730	0.00%	904	1.91	30,280	30,000	29,500
CMSN2104	5/4/2022	107	9.98:1	152,700	36.36%	5,200	3,850	-2.53%	3,033	1.27	122,042	0	142,000
CMBB2108	3/1/2022	43	2:1	1,140,800	32.30%	1,100	990	-2.94%	608	1.63	37,339	30,000	29,500
CVHM2114	5/4/2022	107	16:1	209,700	27.92%	1,500	700	-4.11%	158	4.44	96,500	89,999	79,100
CVJC2103	4/27/2022	100	20:1	109,200	21.61%	2,500	540	-6.90%	152	3.55	119,500	129,999	120,500
CHPG2116	7/6/2022	170	4:1	54,800	32.63%	3,380	1,180	-12.59%	190	6.22	55,760	61,410	44,700
CVHM2110	3/7/2022	49	7.58:1	479,100	27.92%	1,800	960	-12.73%	310	3.09	47,920	84,994	79,100
CKDH2104	1/19/2022	2	2:1	453,300	33.79%	3,500	3,850	-17.38%	4,756	0.81	59,000	44,000	49,800
CPNJ2108	2/10/2022	24	13.9:1	185,700	30.58%	2,000	270	-20.59%	150	1.80	113,488	97,000	93,500
CMSN2108	4/27/2022	100	19.9:1	380,800	36.36%	2,500	540	-21.74%	308	1.75	185,509	159,999	142,000
CVRE2113	5/4/2022	107	4:1	314,000	35.98%	2,250	900	-23.08%	577	1.56	34,180	34,999	32,000
CSTB2109	3/7/2022	49	2:1	1,458,900	39.91%	1,500	2,790	-23.77%	2,867	0.97	35,220	29,000	32,600
CMWG2108	3/14/2022	56	5:1	34,500	31.45%	2,500	2,100	-26.32%	2,570	0.82	168,560	126,000	130,000
CVRE2114	5/24/2022	127	1:1	10,900	35.98%	1,400	5,100	-26.41%	2,997	1.70	37,839	34,000	32,000
CVRE2112	3/1/2022	43	2:1	1,440,200	35.98%	1,000	1,350	-28.57%	1,377	0.98	37,000	32,000	32,000
CVHM2109	2/10/2022	24	3.79:1	242,600	27.92%	2,500	130	-31.58%	3	38.81	45,136	98,654	79,100
CMSN2109	2/10/2022	24	11.9:1	559,200	36.36%	2,200	310	-36.73%	294	1.06	151,799	150,000	142,000
CMBB2104	1/19/2022	2	2:1	1,665,600	32.30%	2,500	10	-50.00%	0	104.82	37,450	32,000	29,500
CVHM2112	2/10/2022	24	10:1	516,000	27.92%	1,800	200	-50.00%	168	1.19	94,242	84,000	79,100
Tổng				10,168,300	32.65%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất								CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%								Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
**Trung bình độ lệch chuẩn								*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/01/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2110 và CMSN2110 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 203.03% và 6.76%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 63.99%. CTPB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.91% thị trường.
- CMWG2201, CVHM2113, CVPB2110 và CMSN2107 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPDR2103, CVHM2110, CVHM2112 và CVIC2106 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMWG2109 và CKDH2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VCB	86.20	3.36	1.58
PNJ	93.50	-0.43	-0.08
GAS	104.60	-0.85	-0.09
BVH	52.70	-2.77	-0.12
BID	43.65	-1.36	-0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	33.1	-5.16	-5.65
STB	32.6	-6.86	-4.67
HPG	44.7	-3.35	-4.07
VHM	79.1	-3.77	-3.60
TCB	48.6	-2.31	-2.85

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	130.0	-3.0%	0.9	4,029	4.7	6,130	21.2	4.9	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	93.5	-0.4%	1.0	924	2.1	4,214	22.2	3.8	47.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	52.7	-2.8%	1.5	1,701	1.5	2,473	21.3	1.8	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	46.5	-1.9%	0.5	474	0.4	4,211	11.0	1.5	57.2%	13.7%
VIC	Bất động sản	97.0	-1.9%	0.7	16,048	11.1	1,248	77.7	3.6	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	32.0	-7.0%	1.1	3,161	15.7	954	33.6	2.4	30.0%	7.4%
VHM	Bất động sản	79.1	-3.8%	1.0	14,975	29.2	8,883	8.9	3.0	23.6%	40.3%
DXG	Bất động sản	32.2	-6.9%	1.3	834	13.2	1,299		2.3	27.9%	10.3%
SSI	Chứng khoán	45.3	-7.0%	1.5	1,935	65.1	2,172	20.9	3.3	38.4%	19.4%
VCI	Chứng khoán	57.8	-6.9%	1.0	837	19.3	4,165	13.9	3.0	20.9%	26.7%
HCM	Chứng khoán	38.8	-7.0%	1.5	771	13.7	2,651	14.6	3.0	41.5%	22.1%
FPT	Công nghệ	89.0	-2.5%	0.9	3,512	6.1	4,443	20.0	4.8	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	69.6	-2.0%	0.4	994	0.0	4,304	16.2	4.8	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	104.6	-0.9%	1.3	8,704	6.8	4,283	24.4	4.1	2.8%	17.6%
PLX	Dầu khí	53.6	-2.5%	1.5	2,961	4.4	2,650	20.2	2.8	17.3%	14.2%
PVS	Dầu khí	28.0	0.4%	1.7	582	13.2	1,186	23.6	1.1	8.1%	4.6%
BSR	Dầu khí	23.1	-0.4%	0.8	3,114	11.2	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	102.0	-3.8%	0.3	580	0.2	6,020	16.9	3.7	54.2%	22.6%
DPM	Hóa chất	39.2	-2.5%	0.9	667	8.0	4,018	9.8	1.7	8.9%	18.6%
DCM	Hóa chất	27.2	-6.0%	0.7	626	7.4	1,701	16.0	2.2	5.4%	13.7%
VCB	Ngân hàng	86.2	3.4%	1.1	17,737	9.8	4,465	19.3	3.7	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	43.7	-1.4%	1.3	9,600	15.3	1,947	22.4	2.7	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	35.0	-1.3%	1.3	7,313	43.0	3,449	10.1	1.8	25.7%	18.6%
VPB	Ngân hàng	33.1	-5.2%	1.2	6,388	19.1	2,781	11.9	2.4	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	29.5	-0.5%	1.2	4,846	38.8	2,940	10.0	2.0	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	32.8	-0.9%	1.0	3,847	10.5	3,599	9.1	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	55.9	-3.1%	0.7	199	0.1	2,574	21.7	2.0	84.7%	9.1%
NTP	Nhựa	65.0	0.9%	0.5	333	3.2	3,574	18.2	2.7	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	23.9	-7.4%	0.8	1,142	0.9	39	612.8	1.9	10.1%	0.3%
HPG	Thép	44.7	-3.4%	1.1	8,693	42.8	7,087	6.3	2.4	23.7%	45.6%
HSG	Thép	33.0	-6.9%	1.4	708	12.3	8,458	3.9	1.5	7.0%	47.6%
VNM	Tiêu dùng	82.9	-2.1%	0.6	7,533	7.7	4,511	18.4	5.6	54.4%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	150.0	-1.3%	0.8	4,182	1.2	5,883	25.5	4.5	62.6%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	142.0	-1.9%	0.9	7,289	5.1	2,031	69.9	7.8	31.5%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	22.5	-6.8%	1.2	614	7.9	1,066	21.1	1.7	6.9%	8.3%
ACV	Vận tải	88.0	0.0%	0.8	8,329	0.2	577	152.5	5.1	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	120.5	-1.2%	1.1	2,838	3.4	2,271		3.9	16.4%	7.7%
HVN	Vận tải	22.9	0.9%	1.7	2,205	2.1	(6,523)		21.2	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	40.5	-5.4%	1.0	531	4.0	1,443	28.1	2.1	40.9%	7.4%
PVT	Vận tải	22.0	-5.8%	1.4	309	3.1	2,443	9.0	1.4	12.8%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	106.2	-3.5%	0.8	739	0.4	10,231	10.4	3.6	3.8%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	48.9	-7.0%	0.5	952	3.1	2,122	23.0	3.3	3.5%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	21.0	-6.9%	0.9	348	2.8	1,212	17.3	1.4	2.4%	8.2%
CTD	Xây dựng	101.0	-5.6%	1.0	324	4.6	727	138.9	0.9	47.3%	0.7%
CII	Xây dựng	42.5	-6.9%	0.7	442	2.4	12	3589.1	2.1	11.5%	0.1%
REE	Điện	64.0	-3.6%	-1.4	860	2.4	5,541	11.6	1.6	49.0%	14.7%
PC1	Điện	34.0	-6.8%	-0.4	348	4.1	2,804	12.1	1.7	4.8%	16.5%
POW	Điện	16.5	-6.8%	0.6	1,680	22.9	1,240	13.3	1.3	2.9%	10.0%
NT2	Điện	22.2	-6.9%	0.6	278	1.8	2,063	10.8	1.6	14.0%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	53.7	-6.9%	1.2	1,330	30.3	1,706	31.5	2.0	16.7%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	70.7	-7%	1.1	3,182	2.5			4.8	2.2%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	86.20	3.36	2.76	2.63MLN
HAG	15.65	4.68	0.17	44.24MLN
HVN	22.90	0.88	0.12	2.07MLN
KHG	20.10	6.91	0.11	2.69MLN
PVD	32.00	1.91	0.07	15.88MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-3.58	8.31MLN	1.11MLN
GVR	-0.01	-2.60	4.52MLN	607060
VPB	-0.01	-2.12	12.76MLN	373600
VIC	0.00	-1.92	2.63MLN	192700
HPG	0.00	-1.84	21.66MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FDC	16.90	6.96	0.01	11300.00
KHG	20.10	6.91	0.11	2.69MLN
BTT	48.00	6.67	0.01	13800
UDC	13.60	6.67	0.01	525800
BBC	67.50	5.97	0.02	900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SZC	65.10	-7.00	-0.13	1.02MLN
HAI	6.91	-7.00	-0.03	491800
PAN	31.25	-6.99	-0.14	4.76MLN
VIX	28.60	-6.99	-0.16	9.03MLN
TVB	21.95	-6.99	-0.05	1.06MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	33.90	7.44	1.68	59400.00
LHC	167.00	8.23	0.11	121200.00
SDA	24.80	9.73	0.09	25600
BNA	41.00	7.05	0.05	928600.00
VIT	23.50	5.38	0.05	44700

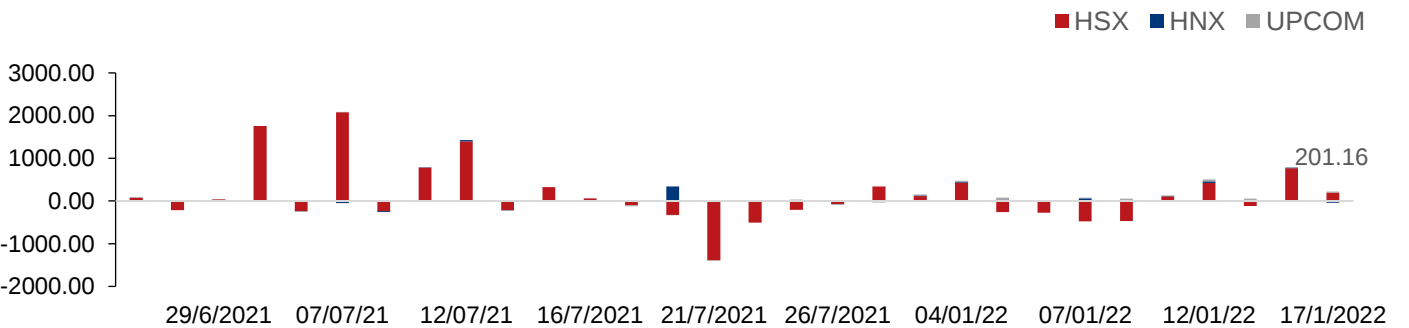
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	231.90	-8.16	-9.42	437300
SHS	42.80	-9.89	-2.53	15.13MLN
IDC	65.00	-8.19	-2.27	4.11MLN
CEO	64.00	-9.99	-1.91	7.70MLN
L14	392.30	-9.94	-1.42	236300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BXH	16.50	10.0	0.00	3100
LBE	27.70	9.9	0.00	31100
ECI	39.00	9.9	0.00	200
TJC	15.60	9.9	0.01	3600
KST	39.10	9.8	0.01	16200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCC	19.80	-10.00	-0.14	1.19MLN
C92	9.00	-10.00	0.00	38500
IPA	52.20	-10.00	-0.72	1.78MLN
PVL	12.60	-10.00	-0.10	3.32MLN
SCI	30.60	-10.00	-0.06	305100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	28.4	1,267	22.4	1.5	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.1	-909	#N/A N/A	2.3	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	64.0	-511	#N/A N/A	5.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	35.2	3,855	9.1	1.5	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	71.7	8,518	8.4	1.7	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	27.2	1,701	16.0	2.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	134.1	7,258	18.5	4.6	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	117.6	4,942	23.8	7.1	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	73.0	5,988	12.2	3.7	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	39.2	4,018	9.8	1.7	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	28.6	2,633	10.9	1.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	32.2	1,299	24.8	2.3	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.4	839	26.7	1.4	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	89.0	4,443	20.0	4.8	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	104.6	4,283	24.4	4.1	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	44.7	7,087	6.3	2.4	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	33.0	8,458	3.9	1.5	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	18.9	-1,113	#N/A N/A	1.8	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.6	1,655	11.8	0.9	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.5	1,251	11.6	1.0	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	49.8	1,856	26.8	3.3	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.5	6,706	7.4	1.7	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	32.0	3,858	8.3	0.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	75.2	8,024	9.4	2.4	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	130.0	6,130	21.2	4.9	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	35.3	9,467	3.7	1.5	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	52.6	4,331	12.1	2.3	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.2	2,063	10.8	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	34.0	2,804	12.1	1.7	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	35.1	2,201	16.0	1.8	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	93.5	4,214	22.2	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	93.5	4,214	22.2	3.8	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.5	1,240	13.3	1.3	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	64.0	5,541	11.6	1.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.5	1066.2	21.1	1.7	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	28.8	1,064	27.1	3.0	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.0	16,115	2.4	1.0	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	65.1	2,570	25.3	4.7	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	22.9	3,114	7.4	2.6	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	24.2	570	42.5	2.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	59.7	4,475	13.3	1.9	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	82.9	4,511	18.4	5.6	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.0	954	33.6	2.4	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	39.0	3306.9	11.8	1.9	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.2	1,559	18.1	1.7	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	68.3	3,256	21.0	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639